

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG, BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS VI THỊ HƯƠNG LAN
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

♦ **Tóm tắt:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, bình đẳng xã hội là một di sản vô cùng quý báu, không chỉ là kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, mà còn là nền tảng quan trọng, vững chắc trong quá trình xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới hiện nay. Bài viết làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện công bằng, bình đẳng xã hội và sự cấp thiết về vấn đề này hiện nay.

♦ **Từ khóa:** Công bằng xã hội; Bình đẳng xã hội; Kỷ nguyên mới; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nhận: 08-04-2025

Ngày thẩm định: 16-04-2025

Ngày duyệt đăng: 13-06-2025

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, bình đẳng xã hội

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn trăn trở về nỗi khổ của người dân mất nước, bị áp bức, bóc lột. Người thấu hiểu rằng, độc lập dân tộc chỉ có ý nghĩa thực sự khi mang lại ấm no, hạnh phúc cho toàn dân. Do đó, Người xác định mục tiêu của CNXH là “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm”¹. Mục tiêu này thể hiện rõ tinh thần nhân văn, khát vọng xây dựng một xã hội mà mọi người đều có cơ hội phát triển, không có sự phân biệt đối xử. Đây là một quan điểm có giá trị hướng tới đảm bảo công bằng và bình đẳng xã hội trong điều kiện nhân dân có quyền là chủ trong xây dựng xã XHCN. Người nói: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã

hội bình đẳng nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động”². Theo đó, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, trong xã hội XHCN thì phải bình đẳng, mà để được bình đẳng thì không được tồn tại chế độ người bóc lột người. Vì vậy, công bằng xã hội là cốt lõi để đạt được bình đẳng xã hội. Muốn có bình đẳng thực sự, phải có công bằng xã hội, tức là phải đảm bảo cho mọi người có cơ hội như nhau để phát triển tài năng, đóng góp cho xã hội và hưởng thụ thành quả lao động.

Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Bản chất của công bằng xã hội trong CNXH là giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, hạnh phúc. Công bằng xã hội gắn liền với quyền và nghĩa vụ, thể hiện ở việc đảm bảo mọi người đều có quyền lợi chính

đáng, đồng thời, phải thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội. Người đặc biệt quan tâm đến những người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế trong xã hội và chủ trương xây dựng các chính sách, biện pháp để hỗ trợ, giúp đỡ họ, tạo điều kiện để họ có thể hòa nhập và phát triển.

Trong lĩnh vực kinh tế, Người chủ trương đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập, tài sản, hợp lý nhất là “Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng”³, xóa bỏ sự bóc lột, bất công trong quan hệ lao động. Người khẳng định, phát triển kinh tế phải vì con người, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước đặc biệt quan trọng: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁴; chính sách của Đảng phải hết sức chăm lo cho đời sống của nhân dân “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁵. Để đảm bảo công bằng xã hội, trong công tác lưu thông phân phối, có hai điều quan trọng phải luôn nhớ: “- Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; - Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”⁶.

Trong lĩnh vực chính trị, Hồ Chí Minh đề cao quyền làm chủ của nhân dân, coi đây là nền tảng để thực hiện công bằng xã hội, khi nhân dân thực sự là chủ của đất nước, họ sẽ có quyền và khả năng đấu tranh cho quyền lợi chính đáng của mình, từ đó thúc đẩy sự công bằng trong xã hội, đảm bảo mọi người dân đều có quyền tham gia vào công việc của Nhà nước. Người đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, kỳ thị dân tộc: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục, tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ”⁷. Người chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức

mạnh của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, Hồ Chí Minh coi trọng giáo dục, y tế, văn hóa, coi đó là nền tảng để phát triển con người và xã hội. Người chủ trương xây dựng một nền giáo dục toàn dân, bình đẳng, không phân biệt đối xử, một hệ thống y tế công cộng phục vụ mọi người. Người đấu tranh cho sự bình đẳng giới, khẳng định vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội. Người chú trọng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phục vụ sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước. Đặc biệt, trong quá trình phát triển kinh tế, cần chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh.

2. Một số vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm công bằng, bình đẳng xã hội trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, nhận thức đúng về những biến đổi trong “Kỷ nguyên mới” ở Việt Nam hiện nay

“Kỷ nguyên mới” không chỉ đơn thuần là một cụm từ, mà nó đại diện cho một giai đoạn lịch sử đặc biệt, được đánh dấu bởi những biến đổi sâu sắc và rộng lớn trên phạm vi toàn cầu. Đây là thời kỳ mà thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng, đang chứng kiến sự thay đổi nhanh chóng và phức tạp trên nhiều lĩnh vực, từ khoa học công nghệ, kinh tế, chính trị đến văn hóa và xã hội. Trong bối cảnh đó, Việt Nam, một quốc gia đang phát triển, cũng không nằm ngoài vòng xoáy của những biến động này, đồng thời phải đối mặt với những thách thức và cơ hội riêng biệt.

Một trong những đặc điểm nổi bật của kỷ nguyên mới là sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và nhiều công nghệ tiên tiến khác đã và đang làm thay đổi cách thức chúng ta làm việc, sản xuất, giao tiếp và sinh hoạt

hàng ngày. Những công nghệ này không chỉ mang lại những cơ hội to lớn để tăng năng suất lao động, cải thiện chất lượng cuộc sống, mà còn đặt ra những thách thức không nhỏ về việc làm, bảo mật thông tin và đạo đức.

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cũng là một đặc trưng quan trọng của kỷ nguyên mới. Các quốc gia ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường. Sự kết nối toàn cầu này không chỉ mở ra những cơ hội hợp tác và phát triển, mà còn đặt ra những thách thức chung như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, bất ổn chính trị và an ninh mạng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần phải chủ động và linh hoạt trong việc thích ứng với những thay đổi của thế giới, đồng thời tìm kiếm những cơ hội hợp tác và phát triển phù hợp với lợi ích quốc gia.

Kỷ nguyên mới đang thay đổi cơ cấu lao động, tạo ra sự phân hóa rõ rệt giữa lao động có kỹ năng cao và lao động phổ thông. Kinh tế thị trường, kinh tế số và sự phát triển của các ngành công nghệ cao tạo ra cơ hội làm giàu cho một tỷ lệ ít người trong xã hội, dẫn đến sự tập trung tài sản ngày càng tăng và cơ hội đào tạo và tái đào tạo cao hơn. Lao động có kỹ năng cao được trả lương cao hơn, trong khi lao động phổ thông đối mặt với nguy cơ mất việc làm và thu nhập thấp. Điều này làm gia tăng và tạo ra sự bất bình đẳng về cơ hội. Hệ thống thuế và các chính sách phân phối lại thu nhập không theo kịp với tốc độ tăng trưởng của tầng lớp siêu giàu, dẫn đến sự phân phối không công bằng về tài sản. Toàn cầu hóa tạo ra sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động, dẫn đến tình trạng “chạy đua xuống đáy” về lương và điều kiện lao động. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của người lao động phổ thông. Sự di chuyển vốn và lao động tự do tạo ra sự bất bình đẳng giữa các quốc gia và khu vực.

Điều này đòi hỏi sự đổi mới tư duy, nhận thức nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường đầu tư vào giáo dục, khoa học công nghệ, xây dựng một xã hội công bằng và bền vững. Đồng thời, Việt Nam cũng cần phải chủ

động và tích cực trong việc tham gia vào các diễn đàn và cơ chế hợp tác quốc tế, góp phần vào việc giải quyết những vấn đề toàn cầu.

Thứ hai, nhận thức rõ những tác động của phân hóa giàu nghèo đến nguyên tắc phân phối ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Phân hóa giàu nghèo, một hiện tượng xã hội phức tạp, đang đặt ra nhiều thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững và công bằng của Việt Nam. Khoảng cách giàu nghèo không chỉ thể hiện ở khía cạnh kinh tế mà còn lan rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ văn hóa tinh thần, cơ hội việc làm, giáo dục, y tế cho đến sở hữu tài sản. Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của sự phân hóa giàu nghèo là khoảng cách thu nhập giữa nhóm giàu nhất (20% dân số giàu nhất) và nhóm nghèo nhất (20% dân số nghèo nhất) ngày càng gia tăng, gấp 7,5 lần⁸ và đặc biệt là sự chênh lệch lớn trong sở hữu tài sản về chỗ ở (nhà cửa, đất đai). Giá trị tài sản này thường vượt xa rất nhiều so với thu nhập trung bình của người dân, cho thấy sự bất bình đẳng lớn về tích lũy tài sản. Điều này cho thấy, mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, nhưng sự phân phối lợi ích chưa đồng đều, dẫn đến sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Nếu chính sách về tài sản và đất đai không được điều chỉnh phù hợp, khoảng cách này sẽ tiếp tục gia tăng, gây ra những hệ lụy tiêu cực cho xã hội.

Trong điều kiện phân hóa giàu nghèo, nguyên tắc “*làm theo năng lực, hưởng theo lao động*” có thể bị biến dạng. Những người có lợi thế về vốn, kỹ năng và quan hệ có thể kiếm được thu nhập cao hơn nhiều so với những người lao động phổ thông, dù họ có năng lực và đóng góp tương đương. Nguyên tắc “*đảm bảo an sinh xã hội*” cũng chịu áp lực lớn khi sự gia tăng số lượng người nghèo và người lao động không có việc làm ổn định. Nhà nước phải đối mặt với thách thức trong việc đảm bảo các dịch vụ công cơ bản và các khoản trợ cấp xã hội cho những người yếu thế.

Theo Báo cáo *Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng (CRI) năm 2024*⁹ của Oxfam Quốc tế công bố, Việt Nam nằm trong số các quốc gia có điểm số CRI thấp. Điều này cho thấy, những nỗ lực hiện tại của quốc gia trong việc giảm bất bình đẳng là chưa hiệu quả. Các yếu tố dẫn đến tình trạng trên là do:

i) Hệ thống thuế của Việt Nam được đánh giá là ít lũy tiến, có nghĩa là những người có thu nhập cao không đóng góp tương xứng vào ngân sách so với những người có thu nhập thấp hơn. Thuế VAT, một loại thuế gián thu, có xu hướng ảnh hưởng đến người nghèo nhiều hơn, và việc tăng thuế suất VAT (như xu hướng được ghi nhận trong báo cáo) có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng;

ii) Việc đảm bảo quyền lao động và cải thiện các chỉ số liên quan đến tiền lương và việc làm của Việt Nam cũng nằm trong bối cảnh chung của nhiều quốc gia đang đối mặt với thách thức. Điều này đòi hỏi sự quan tâm và nỗ lực hơn nữa từ phía chính phủ, các tổ chức lao động và toàn xã hội để thúc đẩy môi trường làm việc công bằng và bình đẳng hơn.

Những hệ quả xã hội của phân hóa giàu nghèo là rất nghiêm trọng, làm suy yếu sự đoàn kết dân tộc, gia tăng tội phạm và tệ nạn xã hội, làm xói mòn lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, và tạo ra những “điểm nóng” về an ninh xã hội. Thậm chí, nó còn gây ra sự tha hóa trong nội bộ cán bộ đảng viên, làm suy yếu bộ máy nhà nước và làm giảm hiệu quả của các chính sách công. Hơn nữa, hệ lụy trên cũng làm *xói mòn nguyên tắc phân phối công bằng - nguyên tắc cốt lõi của CNXH*, là: “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”, nhằm đảm bảo mỗi cá nhân được hưởng thụ tương xứng với giá trị lao động mà họ đóng góp cho xã hội. Chính sự phân hóa giàu nghèo đã tạo ra những kẽ hở, làm xói mòn nguyên tắc trên và dẫn đến tình trạng bất công trong phân phối. Một trong những biểu hiện rõ nhất của sự xói mòn này là hiện tượng đầu cơ, trục lợi từ chính sách, lợi dụng quan hệ, nắm bắt thông tin hoặc có khả năng tài chính để tận dụng các kẽ hở pháp lý

hoặc sự thiếu minh bạch của chính sách để làm giàu bất chính. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước mà còn làm giảm niềm tin của người dân vào sự công bằng của hệ thống. Bên cạnh đó, tham nhũng và lãng phí tài sản công cũng là một nguyên nhân quan trọng gây ra sự bất công trong phân phối. Khi tài sản công bị lạm dụng hoặc thất thoát, nguồn lực dành cho các dịch vụ công cộng và an sinh xã hội sẽ bị giảm sút, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, đặc biệt là những người nghèo và đối tượng yếu thế.

Hậu quả của sự xói mòn nguyên tắc phân phối công bằng là sự suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị và kinh tế. Tình trạng “móc ngoặc” giữa các cá nhân/tổ chức kinh tế và những người có chức quyền đã tạo ra một “nghịch lý” cản trở sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế và làm suy yếu lòng tin của người dân. Khi người dân nhận thấy những người lao động chân chính không được hưởng thụ xứng đáng với công sức của mình, trong khi những người làm giàu bất chính lại được hưởng lợi, họ sẽ mất niềm tin vào sự công bằng và tính chính đáng của hệ thống.

Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra những hạn chế trong thực trạng này, trong đó có hiện tượng lợi dụng chính sách để trục lợi. Theo Quyết định số 217/QĐ-BLĐTBXH, kết thúc năm 2024¹⁰, tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo) chung toàn quốc là 4,06%. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn rất cao, cho thấy sự thiếu bền vững của công tác giảm nghèo. Tính chung cả nước, tỷ lệ hộ nghèo là 1,93%, với tổng số 599.608 hộ nghèo. Phân hóa giàu nghèo đang đặt ra những thách thức lớn đối với việc thực hiện mục tiêu xây dựng CNXH, đặc biệt là trong việc đảm bảo phân phối công bằng thành quả lao động.

Phân hóa giàu nghèo cũng *gây bất bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực xã hội*. Người giàu có khả năng tiếp cận các nguồn lực xã hội vượt trội hơn so với người nghèo như khả năng chi trả cho giáo dục chất lượng

cao, môi trường học tập tốt, được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành công trong cuộc sống; tiếp cận các dịch vụ y tế tiên tiến và tận hưởng các dịch vụ công cộng tốt nhất, khi ốm đau, họ được điều trị bởi các bác sĩ giỏi và sử dụng các phương pháp điều trị hiện đại. Trong khi đó, người nghèo thường phải đối mặt với những khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục, y tế và các dịch vụ công cộng. Môi trường học tập thiếu thốn, không đủ trang thiết bị và giáo viên, khả năng chi trả cho việc điều trị còn hạn chế hoặc phải chờ đợi trong thời gian dài để được khám chữa bệnh... Sự bất bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực xã hội dẫn đến sự bất bình đẳng về cơ hội phát triển. Người giàu có nhiều cơ hội hơn để thành công trong cuộc sống, trong khi người nghèo bị hạn chế bởi những rào cản về tài chính và điều kiện sống. Điều này tạo ra một vòng luẩn quẩn, khi người nghèo khó có thể thoát khỏi nghèo đói và con cái của họ cũng gặp khó khăn trong việc cải thiện cuộc sống. Hậu quả của sự bất bình đẳng này không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn tác động tiêu cực đến toàn xã hội. Sự phân tầng xã hội ngày càng gia tăng, tạo ra những mâu thuẫn và xung đột giữa các tầng lớp. Điều này có thể dẫn đến sự bất ổn định xã hội, làm suy yếu sự đoàn kết và thống nhất của đất nước.

Phân hóa giàu nghèo còn *ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách xã hội*. Một trong những tác động đáng kể nhất là sự phân tán và sử dụng không hiệu quả nguồn lực dành cho các chương trình giảm nghèo. Khi khoảng cách giàu nghèo ngày càng nói rộng, việc xác định đúng đối tượng thụ hưởng trở nên khó khăn hơn. Nguồn lực có thể bị phân bổ không đều, không đến được đúng những người thực sự cần giúp đỡ. Sự phân hóa giàu nghèo cũng làm suy giảm hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội. Khi khoảng cách giữa người giàu và người nghèo quá lớn, các chính sách an sinh xã hội có thể không đủ để đáp ứng nhu cầu của những người nghèo và dễ bị tổn thương nhất. Điều này dẫn đến sự bất mãn và

làm giảm lòng tin của người dân vào hệ thống chính trị và kinh tế.

3. Giải pháp trong việc tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào đảm bảo công bằng và bình đẳng xã hội ở Việt Nam

Trước hết, cần khắc phục những kẽ hở và sự bất công trong hệ thống phân phối; xây dựng các chính sách phân phối lại thu nhập và tài sản một cách công bằng hơn; giảm bớt khoảng cách giàu nghèo thông qua việc tăng thuế thu nhập đối với người giàu, tăng chi tiêu cho các dịch vụ công cộng và an sinh xã hội, và tạo ra các cơ hội kinh tế cho người nghèo. Tiếp tục tư tưởng Hồ Chí Minh, coi việc xóa đói giảm nghèo là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

Thứ hai, vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về “công tư lưỡng lợi” để đảm bảo lợi ích cho cả người lao động và chủ doanh nghiệp tư nhân cùng có lợi. Cần tạo ra một môi trường kinh doanh bình đẳng, đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển, có cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế và tạo ra thu nhập. Có các chính sách khuyến khích đầu tư vào các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

Thứ ba, tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân về giá trị của lao động chân chính và sự công bằng trong phân phối. Xây dựng một hệ thống giá trị xã hội đề cao sự trung thực, liêm khiết và trách nhiệm; nâng cao nhận thức của người dân về các giá trị cốt lõi của xã hội XHCN; xây dựng một xã hội đoàn kết và tương trợ. Tăng cường đầu tư vào giáo dục và y tế công, đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận các dịch vụ có chất lượng.

Thứ tư, tăng cường kiểm soát và giám sát việc thực hiện chính sách, đảm bảo tính minh bạch và công khai; giám sát và kiểm tra việc sử dụng các nguồn lực xã hội, đảm bảo chúng được phân phối công bằng và hiệu quả. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng và lãng phí, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm và đảm bảo nguồn lực được sử dụng

đúng mục đích. Cần có các chính sách hỗ trợ đặc biệt cho người nghèo và đối tượng yếu thế, giúp họ có thể vượt qua những khó khăn và cải thiện cuộc sống.

Thứ năm, tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo các chính sách phản ánh đúng nhu cầu và mong muốn của người dân.

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng và bình đẳng xã hội vào thực tiễn, đặc biệt là trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế, thực hiện bình đẳng giới và phát huy dân chủ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, như: khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng, vấn đề bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại, việc tiếp cận các dịch vụ công của người dân ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế... Để tiếp tục thực hiện tốt tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng và bình đẳng xã hội, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội. Chỉ có như vậy, Việt Nam mới có thể xây dựng thành công một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, như Bác Hồ hằng mong muốn□

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr.81.

^{2, 3} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 11, tr.241; 404.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 4, tr.175

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 9, tr.518

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 15, tr.224

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 13, tr.438

⁸ Xem: <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/04/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2023/>

⁹ Xem: *Development finance international and oxfam report: The commitment to reducing inequality index 2024* Nguồn: https://oi-files-cng-v2-prod.s3.eu-west-2.amazonaws.com/vietnam.oxfam.org/s3fs-public/CRI_2024_full-report.pdf?VersionId=SgyzLIqObABq8H6CtFNrOf.eHyAmpVnN

¹⁰ Xem: Quyết định số 217/QĐ-BLĐTBXH, ngày 04-02-2024 công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

KHÔNG THỂ PHỦ NHẬN VÀ... (Tiếp theo trang 37)

Nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta. Vì vậy, những luận điệu sai trái, thù địch, xuyên tạc nhằm phủ nhận, xóa bỏ, tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin khỏi tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải được vạch trần, phản bác, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh bước cùng thời đại, sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu□

^{1, 3, 15, 16} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 12, tr.30; 563; 415; 406.

^{2, 8} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 15, tr.387; 589-590.

^{4, 12} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 2, tr.289; 303-304.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 6, tr.368.

^{6, 7, 13} Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 11, tr.95; 92; 173.

⁹ Xem: Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. CTQG, H., 1997, tr.50.

¹⁰ Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao động - Nxb. Quân đội nhân dân, H., 1993, tr.116.

¹¹ Xem: *Nghị quyết của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, trong sách Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1995, tr.5.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tập 10, tr.391.

¹⁷ Trần Bạch Đằng: *Đến với tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.96.

^{18, 19} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2000, tập 7, tr.114; 127.